

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG  
TRUNG TÂM ĐÀM BẢO CHẤT LƯỢNG

LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN  
Học Kỳ 3 - Năm Học 2016 – 2017  
(Từ 28/7/2017 đến 04/8/2017)

**Cơ sở Phú Thọ**  
(Giáo dục Tiểu học và Mầm non, Nghệ thuật, Khoa học Tự nhiên, Tâm lý giáo dục, Lý luận chính trị).

| STT | Mã MH  | Học phần                                      | Nhóm | Lớp học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số SV                            | Ngày thi  | Giờ thi | Phòng thi | Khoa tổ chức thi |
|-----|--------|-----------------------------------------------|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------|---------|-----------|------------------|
| 1.  | TH1203 | Phong cách học Tiếng Việt (*)                 | 1    | 1412C09A (K12 CD Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)<br>1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1614D03B (K14 DH Giáo dục Tiểu học B)                                                                                                                                                                                         | 1<br>1<br>1                      | 28/7/2017 | 13g00   | A6102     | GDTH&MN          |
| 2.  | TH1269 | Giáo dục kỹ năng sống (**)                    | 1    | 1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)<br>1614D03T (K14 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))<br>1412D05A (K12 DH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)<br>1513D05B (K13 DH Giáo dục Mầm non B)                                                                                                                                         | 16<br>1<br>8<br>1                | 28/7/2017 | 13g00   | A6103     | GDTH&MN          |
| 3.  | TG2214 | Tâm lý học trẻ em 2 (*)                       | 2    | 1513C08A (K13 CD Giáo dục Mầm non)<br>1412C09A (K12 CD Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)<br>1311D03A (K11 DH Giáo dục Tiểu học A - 2013 - 2017)<br>1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)<br>1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)<br>1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1513D03T (K13 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông)) | 18<br>2<br>1<br>5<br>6<br>4<br>8 | 29/7/2017 | 07g00   | A6205     | TLGD             |
| 4.  | TH1222 | Xác suất thống kê (*)                         | 1    | 1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)<br>1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1513D03T (K13 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))<br>1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)<br>1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1614D03T (K14 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))                                                    | 11<br>1<br>2                     | 31/7/2017 | 07g00   | A6102     | GDTH&MN          |
| 5.  | TH2272 | Phương pháp dạy học đọc - hiểu ở tiểu học (*) | 1    | 1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1614D03T (K14 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))                                                                                                                                                                                                                                   | 1<br>2                           | 31/7/2017 | 07g00   | A6102     | GDTH&MN          |



24

| STT | Mã MH  | Học phần                      | Nhóm | Lớp học phần                                        | Số SV | Ngày thi  | Giờ thi | Phòng thi | Khoa tổ chức thi |
|-----|--------|-------------------------------|------|-----------------------------------------------------|-------|-----------|---------|-----------|------------------|
| 6.  | TG1206 | Giáo dục học đại cương (*)    | 2    | 1412C09A (K12 CD Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017)   | 2     | 31/7/2017 | 07g00   | A6103     | TLGD             |
|     |        |                               |      | 1513D28A (K13 DH Sư phạm Tiếng Anh)                 | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1513D60A (K13 DH Sư phạm Âm nhạc)                   | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614D60T (K14 DH Sư phạm Âm nhạc (Liên thôn))       | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1311D05A (K11 DH Giáo dục Mầm non A - 2013 - 2017)  | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018)   | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1412D05A (K12 DH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)    | 4     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1513C08A (K13 CD Giáo dục Mầm non)                  | 5     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)                 | 5     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)               | 4     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1513D05A (K13 DH Giáo dục Mầm non A)                | 8     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614C08A (K14 CD Giáo dục Mầm non)                  | 2     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614C09A (K14 CD Giáo dục Tiểu học)                 | 7     |           |         |           |                  |
| 7.  | TG2238 | Kỹ năng làm việc hiệu quả (*) | 1    | 1614D03B (K14 DH Giáo dục Tiểu học B)               | 1     | 01/8/2017 | 13g00   | A6102     | TLGD             |
|     |        |                               |      | 1614D03T (K14 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thôn))     | 7     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614D05T (K14 DH Giáo dục Mầm non (Liên thôn))      | 3     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614D01T (K14 DH Sư phạm Toán học (Liên thôn))      | 6     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614D40T (K14 DH Sư phạm Vật lý (Liên thôn))        | 6     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1513D70T (K13 DH Giáo dục thể chất (Liên thôn))     | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1513D60T (K13 DH Sư phạm Âm nhạc (Liên thôn))       | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1412D24A (K12 DHSP Hóa học - 2014 - 2018)           | 2     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1311D70A (K11 DH Giáo dục Thể chất A - 2013 - 2017) | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1412D70A (K12 DH Giáo dục Thể chất - 2014 - 2018)   | 3     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614D03B (K14 DH Giáo dục Tiểu học B)               | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614C09A (K14 CD Giáo dục Tiểu học)                 | 7     |           |         |           |                  |
|     |        |                               |      | 1614D03B (K14 DH Giáo dục Tiểu học B)               | 1     |           |         |           |                  |

| STT | Mã MH  | Học phần                          | Nhóm | Lớp học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Số SV                                          | Ngày thi  | Giờ thi | Phòng thi                                 | Khoa tổ chức thi |
|-----|--------|-----------------------------------|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------|---------|-------------------------------------------|------------------|
|     |        |                                   |      | 1614D070T (K14 DH Giáo dục Thể chất (Liên<br>thôn))<br>1614D09T (K14 DH Sư phạm Lịch sử (Sử -<br>GD&CD) (Liên thôn))<br>1614D60T (K14 DH Sư phạm Âm nhạc (Liên<br>thôn))                                                                                                                                                                                                                                       | 1<br>3<br>2                                    |           |         |                                           |                  |
| 8.  | TH2249 | Mỹ thuật (*)                      | 1    | 1412C09A (K12 CD Giáo dục Tiểu học - 2014 -<br>2017)<br>1412C08A (K12 CD Giáo dục Mầm non - 2014 -<br>2017)<br>1412D05A (K12 DH Giáo dục Mầm non - 2014 -<br>2018)<br>1513C08A (K13 CD Giáo dục Mầm non)<br>1513D05A (K13 DH Giáo dục Mầm non A)<br>1513D05B (K13 DH Giáo dục Mầm non B)<br>1614C08A (K14 CD Giáo dục Mầm non)<br>1614D05A (K14 DH Giáo dục Mầm non A)<br>1614D05B (K14 DH Giáo dục Mầm non B) | 6<br>1<br>12<br>9<br>18<br>5<br>14<br>13<br>19 | 01/8/2017 | 13g00   | A6103<br>A6104<br>A6105<br>A6107<br>A6106 | NGHỆ THUẬT       |
| 9.  | SH2269 | Sinh lý học trẻ em (mầm non) (*)  | 1    | 1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 -<br>2018)<br>1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)<br>1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)<br>1513D03T (K13 DH Giáo dục Tiểu học (Liên<br>thôn))<br>1614D03B (K14 DH Giáo dục Tiểu học B)                                                                                                                                                                            | 5<br>2<br>7<br>1<br>2                          | 01/8/2017 | 13g00   | A6204<br>A6203<br>A6106                   | KHTN             |
| 10. | SH2206 | Sinh lý học trẻ em (tiểu học) (*) | 1    | 1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 -<br>2018)<br>1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)<br>1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)<br>1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1513D03T (K13 DH Giáo dục Tiểu học (Liên<br>thôn))                                                                                                                                   | 19<br>4<br>17<br>6<br>3<br>9                   | 01/8/2017 | 13g00   | A6203<br>A6203<br>A6204                   | KHTN             |
| 11. | SH2271 | Cơ sở tự nhiên và xã hội 1 (*)    | 1    | 1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 -<br>2018)<br>1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)<br>1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)<br>1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)<br>1513D03T (K13 DH Giáo dục Tiểu học (Liên<br>thôn))                                                                                                                                   | 6<br>3<br>9                                    | 02/8/2017 | 09g00   | A6204                                     | KHTN             |

| STT | Mã MH  | Học phần                                 | Nhóm | Lớp học phần                                      | Số SV | Ngày thi  | Giờ thi | Phòng thi | Khoa tổ chức thi |
|-----|--------|------------------------------------------|------|---------------------------------------------------|-------|-----------|---------|-----------|------------------|
| 12. | TG2213 | Tâm lý học trẻ em 1 (*)                  | 2    | 1412D05A (K12 DH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)  | 3     | 02/8/2017 | 09g00   | A6205     | TLGD             |
|     |        |                                          |      | 1513D05A (K13 DH Giáo dục Mầm non A)              | 3     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513D05B (K13 DH Giáo dục Mầm non B)              | 3     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1614D05A (K14 DH Giáo dục Mầm non A)              | 11    |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513C08A (K13 CD Giáo dục Mầm non)                | 4     |           |         |           |                  |
| 13. | TG2215 | Giáo dục học trẻ em 1 (*)                | 2    | 1614D05B (K14 DH Giáo dục Mầm non B)              | 16    | 03/8/2017 | 09g00   | A6206     | TLGD             |
|     |        |                                          |      | 1412D05A (K12 DH Giáo dục Mầm non - 2014 - 2018)  | 5     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513C08A (K13 CD Giáo dục Mầm non)                | 20    |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513C08A (K13 CD Giáo dục Mầm non)                | 20    |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513D05A (K13 DH Giáo dục Mầm non A)              | 6     |           |         |           |                  |
| 14. | TG2307 | TLH lựa tuổi và TLH sự phạm tiểu học (*) | 1    | 1513D05B (K13 DH Giáo dục Mầm non B)              | 2     | 03/8/2017 | 09g00   | A6204     | TLGD             |
|     |        |                                          |      | 1412C09A (K12 CD Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017) | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018) | 2     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)             | 5     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)             | 19    |           |         |           |                  |
| 15. | TH2271 | Thực hành giải toán ở tiểu học (*)       | 1    | 1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)             | 1     | 03/8/2017 | 09g00   | A6206     | GDTH&MN          |
|     |        |                                          |      | 1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)             | 1     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513D03T (K13 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))  | 17    |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1614D03T (K14 DH Giáo dục Tiểu học (Liên thông))  | 7     |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)               | 18    |           |         |           |                  |
| 16. | TH2358 | Toán học 2 (*)                           | 1    | 1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)               | 17    | 03/8/2017 | 09g00   | A7102     | GDTH&MN          |
|     |        |                                          |      | 1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)               | 17    |           |         |           |                  |
|     |        |                                          |      | 1614C09A (K14 CD Giáo dục Tiểu học)               | 1     |           |         |           |                  |

| STT | Mã MH  | Học phần        | Nhóm | Lớp học phần                                      | Số SV | Ngày thi  | Giờ thi | Phòng thi        | Khoa tổ chức thi |
|-----|--------|-----------------|------|---------------------------------------------------|-------|-----------|---------|------------------|------------------|
|     |        |                 |      | 1412C09A (K12 CD Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2017) | 2     |           |         |                  |                  |
|     |        |                 |      | 1412D03A (K12 DH Giáo dục Tiểu học - 2014 - 2018) | 2     |           |         |                  |                  |
| 17. | TH1221 | Toán học 1 (**) | 1    | 1513C09A (K13 CD Giáo dục Tiểu học)               | 1     | 04/8/2017 | 13g00   | <del>A8203</del> | GDTH&MN          |
|     |        |                 |      | 1513D03A (K13 DH Giáo dục Tiểu học A)             | 9     |           |         |                  |                  |
|     |        |                 |      | 1513D03B (K13 DH Giáo dục Tiểu học B)             | 4     |           |         |                  |                  |
|     |        |                 |      | 1513D05A (K13 DH Giáo dục Mầm non A)              | 14    |           |         |                  |                  |
| 18. | MN2304 | Toán cơ sở (*)  | 1    | 1513D05B (K13 DH Giáo dục Mầm non B)              | 7     | 04/8/2017 | 13g00   | A6206            | GDTH&MN          |

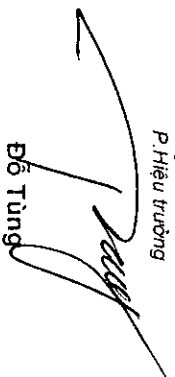
Chú thích: (\*) - Học phần thi tự luận

(\*\*) - Học phần thi vấn đáp, thực hành

(\*\*\*) - Học phần thi trắc nghiệm.

**K.T.HIỆU TRƯỜNG**

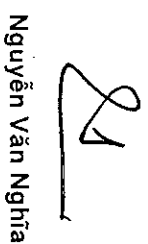
P. Hiệu trưởng



**Đỗ Tùng**

**TRUNG TÂM ĐBCL**

P. Giám đốc



**Nguyễn Văn Nghĩa**

Phủ Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2017



**Nguyễn Thành Trung**

